

**UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 1707/QĐ-ĐHHD ngày 01 tháng 09 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

Tên chương trình: **Du lịch**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Du lịch**

Mã ngành: **7810101**

THANH HÓA, THÁNG 9/2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Hoàng Bá Huyền

MT

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 8 năm 2021
LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

PGS.TS. Mai Văn Tùng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Du lịch

Trình độ: Đại học, mã số 7810101

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Du lịch được xây dựng lần đầu tiên trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm từ chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (định hướng Hướng dẫn du lịch) của khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, chương trình đào tạo ngành Du lịch đã tiếp tục tham khảo chương trình đào tạo các ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị du lịch, và Quản trị du lịch quốc tế của các trường đại học lớn trong và ngoài nước như ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH Quốc gia Hà Nội), Đại học Quốc tế Sài Gòn, Đại học Mahidol (Thái Lan), ĐH Hồng Kông Polytech, Trường Đại học Công nghệ Auckland (Newzealand)...

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy gồm 11 người, trong đó có 01 phó giáo sư, 4 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh và 2 thạc sĩ. Các giảng viên đều là những người có năng lực chuyên môn tốt, có sự tin nhiệm cao của sinh viên trong các đợt lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên. Ngoài thực tế chuyên môn về tuyển điểm 1 và 2, thực tập giáo trình đối với môn cơ sở ngành, nhiều học phần được bố trí thời lượng thời gian phù hợp để sinh viên tham gia kiến tập, thực tập, trải nghiệm và khảo sát thực tế tại các khu, điểm du lịch và các khách sạn, nhà hàng. 20% số lượng môn học chuyên ngành được đào tạo với sự kết hợp giữa doanh nghiệp với trường học. Trong chương trình đào tạo, 20% số tín chỉ cho các môn học tự chọn, tất cả các học phần đều có đầy đủ tài liệu học tập cho sinh viên. Thư viện được đầu tư mua sắm đầy đủ tài liệu, giáo trình; mạng Internet hoạt động thông suốt, phục vụ có hiệu quả cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Du lịch
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Tourism
Mã ngành đào tạo:	7810101
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Du lịch
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	124
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 124 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 khung năng lực 6 bậc của Việt Nam); - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin (IC3 hoặc tương đương).
Vị trí việc làm	<p><i>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Đại học Du lịch có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhân viên, quản lý tại các doanh nghiệp du lịch: <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều hành, quản lý tại các doanh nghiệp lữ hành; - Nhân viên lễ tân, nhân viên buồng, thu ký, giám sát viên, quản lý, giám đốc lễ tân, giám đốc buồng tại các khách sạn - Phục vụ bàn, nhân viên pha chế, đầu bếp, giám sát viên, quản lý tại các nhà hàng và đơn vị kinh doanh ẩm thực khác. - Nhân viên sale, quản lý, giám đốc bộ phận marketing tại các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, nhà hàng. - Nhân viên lễ tân, nhân viên tổng đài, tư vấn tại các tổ chức, doanh nghiệp. - Chủ doanh nghiệp du lịch (start-up) 2. Chuyên viên quản lý nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên tại Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch; Tổng cục du lịch và các vụ chức năng; - Chuyên viên tại các Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch, Trung tâm xúc tiến, đầu tư, du lịch của tỉnh; - Chuyên viên tại các phòng Văn hoá Thông tin huyện; - Chuyên viên văn hoá tại các xã, phường. 3. Nhân viên tại các tổ chức, điểm đến du lịch

	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh viên, cán bộ quản lý tại các di sản, điểm đến du lịch 4. Nhân viên tại các tổ chức liên quan đến du lịch: <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu viên tại các cơ quan, tổ chức về du lịch như Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch. - Nhân viên tại các tổ chức phi chính phủ về văn hoá, du lịch trong và ngoài nước - Nhân viên tại các đại sứ quán. - Tiếp viên hàng không 5. Giảng viên, trợ giảng, tư vấn tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề du lịch
Học tập nâng cao trình độ:	Người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước các ngành và chuyên ngành gần.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Khoa học xã hội Nhân văn Hà Nội (http://ussh.vnu.edu.vn/) - Chương trình đào tạo ngành Quản trị Du lịch, trường Đại học Quốc tế Sài Gòn (http://www.siu.edu.vn) - Chương trình Cử nhân Quản lý du lịch quốc tế (Bachelor of International Tourism Management), Trường Đại học Công nghệ Auckland (Newzealand), (http://www.aut.ac.nz/) - Chương trình cử nhân quản lý du lịch và khách sạn quốc tế của Học viện Quản lý Châu Á (EASB, Singapore) (http://www.easb.edu.sg/en/) - Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị Du lịch và khách sạn - Đại học Mahidol (Thái Lan) (https://muic.mahidol.ac.th/eng/programs/undergraduate-programs/management/) - Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị Du lịch và Sự kiện, Trường Quản lý khách sạn và du lịch, Đại học Hồng Kông Polytechnic (http://shtm.polyu.edu.hk/academic-programmes/hong-kong-programmes/bachelor-of-science/bachelor-of-science-bsc-hons-in-tourism-and-events-management/)
Thời gian cập nhật bản mô tả:	9/2021

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức sâu, rộng về văn hóa, pháp luật du lịch, lễ hành, lưu trú và các dịch vụ khác; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc để đảm nhận việc quản lý, tổ chức thực hiện các công việc; có khả năng sáng tạo, giải quyết được những vấn đề liên quan đến lĩnh vực nhà hàng - khách sạn, lễ hành và các dịch vụ bổ sung; có trách nhiệm với nghề nghiệp, môi trường và xã hội; thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Du lịch có mục tiêu cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo:

PO1. Người học được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2. Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

PO3. Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PO4. Có được hệ thống kiến thức cơ bản về địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam; tâm lý học; ngôn ngữ; môi trường và con người; vận dụng được kiến thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa Việt Nam.

PO5. Người học nắm vững kiến thức về thể chế chính trị, các quy định của nhà nước về văn hóa, du lịch; nghiệp vụ du lịch, các loại hình du lịch và sự kiện văn hóa – du lịch.

PO6. Có khả năng thực hiện các nghiên cứu độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề có tính thực tiễn trong du lịch; tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch; khả năng học tập ở trình độ cao, khả năng tự học, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời;

PO7. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học, kỹ năng quản lý để có thể thực hành và phát triển nghề nghiệp;

PO8. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được xây dựng đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

PLO1: Sinh viên phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp.

PLO2: Sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.

PLO3: Sinh viên trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn.

PLO4: Sinh viên trình bày được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam; các thành tố văn hóa, không gian và thời gian văn hóa; tâm lý học; ngôn ngữ; môi trường và con người; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế- xã hội; Vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

PLO5: Sinh viên nắm vững và trình bày được các kiến thức nền tảng về lịch sử, văn hoá, dân tộc, phong tục tập quán, đạo đức, pháp luật về du lịch. Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế công việc thuộc lĩnh vực nhà hàng - khách sạn, lữ hành, các dịch vụ bổ sung trong du lịch và trong việc giảng dạy về du lịch.

PI5.1: Hiểu và trình bày được các vấn đề về phong tục tập quán, ẩm thực, hệ thống di tích – danh thắng, tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội của các dân tộc Việt Nam. Vận dụng vào các công việc thuyết minh, thuyết trình và giảng dạy du lịch.

PI5.2: Hiểu, phân tích được các nền văn hóa vùng Đông Nam và thế giới. Vận dụng vào các công việc thuyết minh, thuyết trình tại trong hoạt động du lịch.

PI5.3: Vận dụng các quy định của nhà được về du lịch để thực hiện việc thành lập, tổ chức, quản lý doanh nghiệp du lịch đúng pháp luật.

PLO6: Sinh viên nắm vững các kiến thức về các loại hình du lịch; các hình thức kinh doanh trong du lịch, các hoạt động khởi nghiệp, marketing, xúc tiến và bán sản phẩm du lịch. Vận dụng những kiến thức này để lập các kế hoạch, triển khai dự án du lịch, quản lý và vận hành các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

PI6.1: Khởi nghiệp, quản lý và vận hành được trong các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch (lưu trú, lữ hành, ẩm thực, các dịch vụ bổ sung...)

PI6.2: Lập kế hoạch và triển khai được các chiến lược marketing, xúc tiến và bán các sản phẩm du lịch trong tổ chức, doanh nghiệp, điểm đến du lịch.

PLO7: Sinh viên nắm vững các quy tắc ứng xử trong giao tiếp, lễ tân ngoại giao, thuyết minh, thuyết trình hiệu quả trong hoạt động du lịch. Vận dụng để giao tiếp và xử lý hiệu quả các tình huống với khách hàng và đồng nghiệp.

PI7.1. Viết được các văn bản như email, báo cáo, chương trình, hợp đồng du lịch đúng quy định, có cấu trúc hợp lý và đáp ứng yêu cầu của đối tượng giao tiếp.

PI7.2. Thuyết trình hiệu quả, lập luận tốt, sử dụng công cụ hỗ trợ âm thanh/hình ảnh, ngôn ngữ logic rõ ràng, tác phong đĩnh đạc và thu hút sự tham gia của người nghe.

PI7.3. Giao tiếp và tương tác khách hàng tự tin, hiệu quả.

PI7.4. Hiểu được tâm lý khách du lịch, văn hoá ứng xử, lễ nghi ngoại giao. Vận dụng văn hóa ứng xử, lễ nghi giao tiếp để đáp ứng nhu cầu tâm lý của khách du lịch.

PLO8: Sinh viên nắm vững được các kiến thức về các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành du lịch để có thể vận dụng giao tiếp với khách trong lĩnh vực du lịch.

PI8.1: Giao tiếp và tương tác một cách hiệu quả và linh hoạt với khách hàng trong môi trường nhà trường, khách sạn.

PI8.2: Giao tiếp và tương tác một cách hiệu quả và linh hoạt với khách hàng trong hoạt động lễ hành (tại các điểm vui chơi, giải trí, trung tâm mua sắm, sân bay)

PLO9: Nắm vững được các tính năng của phần mềm ứng dụng trong du lịch, các thiết bị chuyên dụng trong hoạt động thương mại điện tử du lịch. Vận dụng được các tính năng của phần mềm để thực hiện công việc một cách hiệu quả.

PI9.1: Sử dụng được các công cụ, thiết bị, máy móc hiện đại hỗ trợ công việc trong lĩnh vực lễ hành.

PI9.2: Thao tác chuyên nghiệp trên các ứng dụng, phần mềm hiện đại trong công việc lễ tân.

PLO10: Sinh viên nắm vững các kiến thức về nghiệp vụ phục vụ nhà hàng, nghiệp vụ khách sạn. Vận dụng kiến thức về các nghiệp vụ để thực hiện quy trình phục vụ khách một cách hiệu quả.

PI10.1: Thực hiện được quy trình phục vụ khách trong các tổ chức doanh nghiệp kinh doanh lưu trú.

PI10.2: Thực hiện được quy trình phục vụ khách trong các tổ chức doanh nghiệp kinh doanh ẩm thực.

PLO11: Sinh viên nắm vững kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn, cách thức thiết kế và điều hành tour du lịch. Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ để thực hiện quy trình phục vụ khách du lịch một cách hiệu quả.

PI11.1: Thực hiện được các hoạt động tổ chức hướng dẫn, thuyết minh cho khách du lịch;

PI11.2: Thiết kế và điều hành được các tour du lịch trong và ngoài nước;

PLO12: Sinh viên nắm vững kiến thức về các loại hình sự kiện văn hóa – du lịch, ẩm thực truyền thống của Việt Nam. Vận dụng kiến thức đã học tổ chức được các sự kiện văn hóa – du lịch, chế biến được một số món ăn phục vụ khách du lịch và thực hiện được các thao tác trong phục vụ ẩm thực.

PI12.1: Tổ chức được các sự kiện văn hóa - du lịch thông qua làm việc nhóm;

PI12.2: Chế biến được một số món ăn truyền thống phục vụ khách du lịch.

PI12.3: Thực hiện được các thao tác phục vụ ẩm thực trong nhà hàng.

PLO13: Sinh viên nắm vững các quy định về đạo đức nghề du lịch và các quy tắc ứng xử văn minh trong du lịch; Vận dụng được các quy định, quy tắc trong du lịch một cách linh hoạt, sáng tạo để tự thành lập và quản lý doanh nghiệp kinh doanh du lịch hiệu quả.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), TCCN, CĐ, ĐH.
- Phương thức tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (được cụ thể hóa trong đề án tuyển sinh hàng năm).
- Về tổ hợp xét tuyển gồm:
 - + Văn – Sử - Địa;
 - + Văn – Sử - GDCD;
 - + Văn – Địa - GDCD
 - + Văn –GDCD- Tiếng Anh;

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
PO1	2												2
PO2		2						2					
PO3			2						2				
PO4				2	2								
PO5					2	2				2	2	2	
PO6					2								
PO7						3	3						
PO8					2								3

Ghi chú: Số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.

- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hồi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

7.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Đào tạo cử nhân Du lịch yêu cầu mỗi người giảng viên cần trang bị cho mình những kinh nghiệm giảng dạy phù hợp, tạo hứng thú, truyền được cảm hứng cho người học. Các bài giảng cần lồng ghép tích hợp cả giảng dạy lý thuyết, đào tạo kỹ năng thực

hành và những kỹ năng mềm cần thiết áp dụng cho các nội dung bài học. Muốn thực hiện tốt việc này đòi hỏi người giảng viên cần chuẩn bị tốt cả kiến thức, giáo cụ, phương tiện hỗ trợ; hiểu rõ bối cảnh giảng dạy và nội dung mỗi buổi dạy (phòng học lý thuyết, phòng thực hành, tại thực địa, hay đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp). Quá trình chuẩn bị của giảng viên bao gồm:

1) Chuẩn bị đề cương chi tiết học phần, học liệu để sinh viên có thể nắm bắt nội dung được truyền giảng và những phần việc cần chuẩn bị. Giảng viên lưu ý lựa chọn giáo trình phù hợp, cập nhật, có nội dung đáp ứng được chuẩn yêu cầu đầu ra và không có nội dung vi phạm bản quyền và vi phạm chủ quyền đất nước;

2) Nắm rõ kiểu dáng lớp học để có phương pháp tiếp cận lớp học một cách phù hợp: lớp học lý thuyết, lớp học thực hành, giờ thảo luận, sermina... Mỗi kiểu dáng lớp học tương ứng với phương pháp giảng dạy, cách thức giảng dạy khác nhau: bài dạy lý thuyết, bài dạy thực hành, bài dạy tích hợp;

3) Đối với bài giảng lý thuyết, ngoài sử dụng giáo trình, micro, giảng viên cần chuẩn bị để sử dụng thành thạo máy chiếu, flip chart và các dụng cụ hỗ trợ khác. Đối với những bài dạy thực hành và bài dạy tích hợp, giảng viên cần chuẩn bị đạo cụ dụng cụ thực hành phù hợp để buổi học đạt được hiệu quả cao nhất (bộ đàm, Micro không dây, dụng cụ học Team Building, dụng cụ học buồng phòng và pha chế...)

4) Hiểu rõ đối tượng sinh viên giảng dạy của mình (sinh viên năm mấy? sinh viên có đầu vào như thế nào, định hướng nghề nghiệp của cả lớp và của từng sinh viên?)

5) Nắm vững chuẩn đầu ra; hiểu rõ quy chế đào tạo, cách thức đánh giá, phương pháp và chính sách đào tạo theo học chế tín chỉ để đảm bảo sinh viên có thể tiếp cận phương pháp học tập đại học nhanh nhất, đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong đánh giá người học;

6) Xây dựng, phát triển và duy trì các mối quan hệ giữa giảng viên với cán bộ hành chính, giữa giảng viên và doanh nghiệp, giữa giảng viên và các bộ phận hỗ trợ trong nhà trường để liên hệ khi cần thiết nhanh nhất có thể.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Việc kết nối người học với quá trình học theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và “phát huy năng lực của người học” sẽ giúp người học cải thiện khả năng tập trung, thúc đẩy họ luyện tập những kỹ năng tư duy bậc cao và đem lại nhiều trải nghiệm học tập có ý nghĩa. Khi kết hợp nhiều chiến lược học khác nhau vào trong một bài giảng, giảng viên cần xem xét kỹ các cách để đặt ra được những mục tiêu rõ ràng, thiết kế những chiến lược nhằm đánh giá một cách có hiệu quả và cung cấp các cơ chế giúp người học đưa ra phản hồi để từ đó tiếp tục cải thiện chương trình đào tạo.

- Phương pháp 1: Lớp học đảo ngược

Đây là một trong những cách tiếp cận cơ bản trong việc dạy học. Với cách tiếp cận này, thời gian trong lớp được cấu trúc lại để dành thời gian cho những câu hỏi, ứng dụng và đánh giá để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của mỗi người học.

- Phương pháp 2: Học tập chủ động

Việc học tập chủ động yêu cầu người học thực sự tham gia vào lớp học thay vì chỉ ngồi trật tự nghe giảng. Các chiến lược thường bao gồm: các phân hỏi và trả lời ngắn, những cuộc thảo luận được lồng ghép vào trong bài giảng, các bài tập không yêu cầu sự chuẩn bị trước, các hoạt động động thực hành và các buổi học mang tính trải nghiệm

- Phương pháp 3: Thảo luận

Để một cuộc thảo luận thành công thì việc chuẩn bị trước giúp người dạy vạch ra một mục tiêu rõ ràng cho cuộc thảo luận và xác định được phương pháp đánh giá rõ ràng. Điều này giúp lớp học có thể giải quyết các vấn đề thông qua bối cảnh, từ đó gia tăng sự tò mò và sự chú tâm của người học với nội dung bài giảng.

- Phương pháp 4: Dạy học với công nghệ

Các công nghệ trong lớp học: máy tính, máy chiếu, wifi... với các nguồn học liệu cụ thể, đáng tin cậy luôn được tích hợp vào chương trình giảng dạy. Bên cạnh đó, ứng dụng trả lời câu hỏi trắc nghiệm Kahoot cũng được áp dụng vào một số môn học nhằm truyền tải kiến thức, đánh giá mức độ hiểu, nhớ bài của người học...

- Phương pháp 5: Phương pháp công não (Brainstorming)

Thường thì phương pháp này sẽ hiệu quả hơn cho nhóm làm việc bởi vì cơ sở hoạt động của nó dựa trên việc tạo ra càng nhiều ý tưởng liên quan từ nhiều góc nhìn và nhiều cấp độ càng tốt. Số lượng người tham gia nhiều sẽ giúp cho phương pháp tìm ra lời giải được nhanh hơn hay toàn diện hơn nhờ vào nhiều góc nhìn khác nhau bởi các trình độ, trình tự khác nhau của mỗi người.

Ngoài ra, với những môn chuyên ngành, phương pháp dạy học tích cực cần được tiến hành nhằm phát huy tối đa sức mạnh của người học.

- Phương pháp 6: Dạy học theo nhóm (Teaching and learning in groups)

Là phương pháp dạy học được áp dụng khá phổ biến nhằm hướng dẫn cho SV phát triển các kỹ năng trong việc phát triển một giả thuyết, giải quyết vấn đề thông qua hoạt động làm việc nhóm. Phương pháp này được áp dụng thường xuyên và có tính đặc thù, phù hợp với tình hình học tập, thực hiện giảng dạy kỹ năng trong bối cảnh nhóm nhỏ đối với các môn nghiệp vụ. Tuy nhiên, trên thực tế tổ chức hoạt động giảng dạy đối với nghề dịch vụ nhà hàng dựa trên năng lực thực hiện công việc, giảng viên thường phải sử dụng nhiều phương pháp dạy học như: đóng vai (Role play), giải quyết dựa trên vấn đề (Problem solving), huấn luyện (Coaching), ...

Trong 1 buổi thực hành giảng viên bảo đảm luân phiên vị trí công việc giữa các nhóm nhỏ để bảo đảm tất cả các em sinh viên đều có cơ hội trải nghiệm. Mỗi nhóm có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể, thời gian thực hiện và danh mục các trang thiết bị cần thiết. Sau khi tổ chức thực hiện hoạt động giảng dạy theo nhóm, mỗi nhóm trao đổi đánh giá nhận xét lẫn nhau và được luân phiên đổi nhiệm vụ trong những bài học tiếp theo. Việc dạy và học theo nhóm giúp người học hoàn thiện năng lực và tăng cường làm việc nhóm, nâng cao tính phối hợp và trách nhiệm trong công việc.

- Phương pháp 7: Dạy và học tích hợp (Integrated Teaching and Learning)

Dạy học tích hợp nhằm hướng đến hình thành và phát triển năng lực thực hiện công việc cụ thể của nghề nghiệp đối với người học. Quá trình tổ chức hoạt động dạy và hoạt động học với các nội dung, kiến thức, kỹ năng và thái độ được tích hợp. Một số nội dung bài học trong mô đun phục vụ nhà hàng, pha chế đồ uống được tích hợp trong quá trình giảng dạy như: tích hợp dạy giao tiếp tiếng Anh để hình thành năng lực phục vụ nhà hàng. Tích hợp nội dung giảng dạy với hình thức dạy lý thuyết, dạy mẫu và hướng dẫn thực hành được tích hợp vào quá trình giảng dạy. Tích hợp trong việc bố trí lớp học phù hợp, thuận tiện sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ và nguyên liệu để tổ chức hoạt động dạy và học. Tích hợp một số phương pháp dạy học quá trình dạy học: giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, đóng vai và phương pháp 4 bước, portfolio, ...

Điểm mạnh của dạy học tích hợp:

- Nội dung lý thuyết được giải thích trong quá trình dạy mẫu, trực quan nên dễ ghi nhớ;
- Tương tác trong hoạt động dạy và học được tăng cường;
- Sửa sai và biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện;
- Giảm được thời gian trong việc bố trí học lý thuyết trước và thực hành sau trong một số nội dung học tập. Giảm trùng lặp, lặp lại của một nội dung;
- Tích hợp các năng lực khác để thực hiện công việc cụ thể;

Điểm yếu và thách thức của dạy học tích hợp:

- Tốn thời gian cho sự chuẩn bị và kế hoạch hoạt động giảng dạy
- Tốn chi phí đầu tư phòng học, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguyên liệu
- Đòi hỏi giảng viên hiểu biết nhiều lĩnh vực kiến thức liên quan nghề và kỹ năng nghề giỏi.

- Phương pháp 8: Dạy và học qua thực tiễn công việc (Work placement/ Experience Learning/ Learning by doing)

Việc tổ chức hoạt động dạy và học qua thực tế công việc trong môi trường phục vụ khách là điều kiện tốt cho giáo viên và người học có được những kinh nghiệm thực tiễn để hình thành năng lực. Một số hoạt động dạy và học trong môi trường thực tế như sinh viên pha chế và phục vụ khách tại khách sạn Mường Thanh, Phương Hoàng; công ty du lịch Tường Anh, TTH; nhà hàng Dạ Lan, trung tâm tổ chức sự kiện FLC...

Tất cả các hoạt động nêu trên đều có sự giám sát, hướng dẫn của giáo viên và nhân viên phục vụ nhằm giúp các em sinh viên tự tin và hoàn thiện dần về kỹ năng và thái độ trong phục vụ và giao tiếp với khách hàng. Sau mỗi buổi học trong môi trường thực tế, giáo viên thường tập hợp sinh viên lại, mỗi em tự nhận xét về bản thân mình sau buổi học đó: đã làm được những gì, chưa làm tốt ở điểm nào đó. Sau cùng, giáo viên đưa nhận xét, nêu 1 số điểm mạnh và điểm yếu của các sinh viên, khen ngợi các sinh viên tích cực, tự giác đồng thời nhắc nhở 1 số em để cả nhóm cùng phát huy và khắc phục cho những buổi tiếp theo.

Trọng tâm của việc dạy và học qua thực tiễn công việc được đặt vào quá trình học tập chứ không phải là sản phẩm của việc học. Một hoạt động học tập qua thực tiễn công việc phải bao gồm:

- Khảo sát, trải nghiệm thực hiện một công việc (Exploration / Experiencing – Doing an activity)

- Chia sẻ những kinh nghiệm đã trải qua khi thực hiện công việc (Sharing the experience happened);

- Thực hiện một số hoạt động công việc (Processing - Performing the actions/ activity);

- Khái quát, liên hệ và trình bày cụ thể những kết quả từ hoạt động thực tiễn.

- Ứng dụng những kinh nghiệm, kết quả qua thực tế công việc.

Để thực hiện có hiệu quả trong việc tổ chức hoạt động dạy và học thực tiễn qua công việc, sau đây là một số điểm chính cần lưu ý:

- Xây dựng kế hoạch với các mục tiêu rõ ràng để xác định người học đạt được những kinh nghiệm sau khi hoàn thành công việc. Kế hoạch phải cụ thể, chi tiết cho từng nhóm, từng vị trí công việc theo thời gian, địa điểm và các điều kiện cần thiết để thực hiện công việc.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết và công cụ đánh giá và kiểm tra đảm bảo điều kiện sẵn sàng trước khi tổ chức thực hiện công việc.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện, hướng dẫn người học phát hiện và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

- Đánh giá, trao đổi, thảo luận những kết quả đạt được và đặc biệt chú trọng đến những bài học kinh nghiệm để ứng dụng vào thực tiễn công việc. Đồng thời, cũng cố và mở rộng vấn đề của nội dung học tập.

Phương pháp dạy và học qua thực tiễn tạo điều kiện cho SV được khám phá, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tham gia vào quá trình phục vụ như những nhân viên thực thụ làm việc tại khách sạn, nhà hàng, hạn chế sự thụ động. Đồng thời, phương pháp này còn giúp phát triển kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và giải quyết tình huống. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những hạn chế như: tổ chức hoạt động nhóm nhỏ, công tác chuẩn bị cho tổ chức hoạt động nhóm mất nhiều thời gian, việc xử lý các tình huống phát sinh cũng đòi hỏi người hướng dẫn phải thật sự tập trung cao độ.

7.1.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- **Tự đánh giá quá trình giảng dạy:** Việc thực hiện tự đánh giá là rất quan trọng đối với mỗi người giảng viên. Việc liên tục dẫn giải, chú thích các bài tập, bài kiểm tra và kế hoạch lên lớp là chiến lược tuy đơn giản nhưng phù hợp trong việc theo dõi sự giảng dạy. Điều này giúp người dạy theo dõi xem nên giữ hay bỏ điều gì khi lên lớp. Những bản tóm tắt vào cuối mỗi kì học cũng giúp người dạy nhìn nhận lại những gì mình đã làm và là những thứ quan trọng cho sự phát triển của những lớp học mới với những phiên bản cải thiện của các lớp học trước đó.

- **Dự giờ, thao giảng:** Dự giờ và thao giảng là trách nhiệm của mỗi giảng viên nhằm tranh thủ sự đóng góp, góp ý của đồng nghiệp và những người có chuyên môn nhằm xây dựng những giờ học chất lượng, đáp ứng được những mục tiêu đề ra của chương trình đào tạo.

- **Thu thập phản hồi từ người học:** Việc thu thập thông tin từ người học thông qua trải nghiệm của họ trong lớp học là một cách vô cùng có giá trị để đánh giá việc giảng dạy của giảng viên. Hiện nay khoa KHXH đang áp dụng phương pháp phát phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học. Tuy nhiên, để kết quả được khách quan, trung thực, có thể áp dụng nhiều cách để làm khảo sát này: khảo sát trực tuyến và thực tế, email góp ý, đối thoại mở với sinh viên.

- **Hợp tác với đồng nghiệp:** Người dạy có thể tìm hiểu cách đánh giá của đồng nghiệp để có được cái nhìn đa chiều trong việc dạy, học và đánh giá người học; bên cạnh đó là những đánh giá khách quan của các doanh nghiệp để nắm bắt được một cách chính xác nhất chất lượng đào tạo và nhu cầu của doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực.

7.2. Các phương thức đánh giá

7.2.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Có 2 hình thức kiểm tra - đánh giá thường xuyên:

Hình thức 1: Bài kiểm tra cá nhân

Trong quá trình học, SV sẽ phải làm các bài kiểm tra cá nhân để đánh giá tiến trình tham gia học tập.

- Các bài kiểm tra cá nhân có thể làm ở lớp hoặc làm ở nhà tùy theo nội dung câu hỏi mà giảng viên đề ra.

- Loại bài tập này dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này bao gồm:

- **Nội dung:**

- Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý
- Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu
- Có bằng chứng về việc sử dụng các học liệu của môn học

- **Hình thức:**

- Cấu trúc bài viết logic, hệ thống.
- Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, có độ dài theo qui định của giảng viên

(Từ 1 đến 3 trang A4).

Hình thức 2: Bài tập nhóm/tháng

Loại bài tập này chủ yếu dùng để đánh giá khả năng nắm bắt và vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này bao gồm:

- **Nội dung:**

- Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.
- Thể hiện khả năng nắm vững lý thuyết và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn
- Có bằng chứng về việc tham khảo thực tế các nghề du lịch và thể hiện kết quả làm việc của tất cả các thành viên trong nhóm

- **Hình thức:**

- Theo quy định của giảng viên đối với từng bài tập
- Phù hợp với thực tế nghề nghiệp
- Đối với những bài viết phải có ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, có độ dài theo qui định của giảng viên (Từ 1 đến 3 trang A4).
- Ngoài sản phẩm phải nộp, sinh viên lập báo cáo làm việc nhóm theo mẫu sau:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BÁO CÁO

KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI

KẾT QUẢ THẢO LUẬN NHÓM

Vấn đề nghiên cứu:.....

1) Danh sách nhóm và các nhiệm vụ được phân công

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Chức vụ, thái độ làm việc
1.	Nguyễn Văn A		Nhóm trưởng
2.

2) Quá trình làm việc của nhóm (miêu tả các buổi họp, có biên bản kèm theo).

3) Tổng hợp kết quả làm việc nhóm

4) Đánh giá kỹ năng và mức độ tham gia công việc của từng thành viên

5) Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

Nhóm trưởng

(Kí tên)

• **Thời gian:** Nộp đúng hạn được ghi trong Đề cương môn học. Các nhóm nộp cho giảng viên vào đầu buổi học. Các bài tập này cũng có thể nộp qua email của giảng viên trước 1 ngày theo những quy định của giảng viên.

Kết quả của sinh viên do giảng viên đánh giá trên cơ sở kết quả bài tập nhóm và mức độ đóng góp của từng thành viên trong nhóm.

Tổng số điểm bài tập cá nhân và bài tập nhóm chiếm 30% tổng số điểm của học phần; trong đó bài cá nhân chiếm 20%, bài tập nhóm chiếm 10%. Tùy tình hình thực tế quá trình thực hành thực tế môn học giáo viên sẽ chấm điểm cho phù hợp.

7.2.2. Bài thi giữa kỳ: trọng số 20%

Bài thi này dùng để kiểm tra một phần quá trình học tập của sinh viên.

- **Nội dung:** Có thể là một vấn đề lý thuyết trọn vẹn hoặc một bài tập
- **Hình thức:** Thi viết 45 phút, không sử dụng tài liệu hoặc vấn đáp 10 phút hoặc thực hành 1 thao tác kỹ năng nghề nghiệp đã học
- **Thời gian:** Theo lịch đã trình bày ở đề cương chi tiết
- **Địa điểm:** Trên lớp
- Điểm của bài thi sẽ chiếm 20% tổng số điểm của học phần

7.2.3. Bài thi hết môn: trọng số 50%

Bài thi này dùng để kiểm tra toàn bộ quá trình học tập của sinh viên. Hình thức thi: vấn đáp – thực hành

- **Thời gian:** Theo lịch của nhà trường
- **Địa điểm:** Theo lịch của nhà trường

*** Tiêu chí đánh giá các loại bài tập:**

- **Bài tập cá nhân:** Đánh giá ý thức học tập thường xuyên, kỹ năng làm việc độc lập với hình thức tư vấn đáp hoặc kiểm tra viết tại lớp hoặc ở nhà: 20% số điểm.

- **Bài tập nhóm:** đánh giá tinh thần làm việc trong nhóm, chủ yếu thông qua thực hành: 10% số điểm.

- **Bài thi giữa kỳ:** đánh giá khả năng tiếp thu và trình bày các vấn đề lý thuyết và thực hành thông qua hình thức viết: 20% số điểm.

- **Bài thi cuối kỳ:** vấn đáp, 50% số điểm toàn môn.

- **Tổng điểm cả môn học:** 30% + 20% + 50% = 100% = 10 điểm

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần (Số tín chỉ)	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (33 tín chỉ)	31	2
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (80 tín chỉ)	56	24
2.1	Kiến thức cơ sở ngành (17 tín chỉ)	11	6
2.2	Kiến thức ngành (63 tín chỉ)	51	12
3	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (11 tín chỉ)	5	6
TỔNG SỐ (1) + (2) + (3) = 124 tín chỉ		92	32

- Chương trình đào tạo ngành Đại học Du lịch gồm 47 học phần (không kể GDTC, GDQP, thực tập), nếu tính cả 2 HP thay thế KLTN là 49 học phần, tương đương 124 tín chỉ; trong đó có 34 học phần bắt buộc tương đương 87 tín chỉ, 13 học phần tự chọn tương đương 26 tín chỉ, 5 tín chỉ thực tập, 2 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp tương đương 6 tín chỉ, được phân bổ trong 08 học kỳ.

Học kỳ	Số lượng học phần	Số tín chỉ tương đương
1	6	16
2	7	17
3	6	15
4	6	17
5	7	16
6	6	16
7	6	16
8	Thực tập + KLTN (hoặc 2 học phần thay thế KLTN)	11
TỔNG	49	124

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A	196055	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	33		
I		Lý luận chính trị	13		
	196055	Triết học Mác-Lênin	3	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015. <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005. Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 1997.

	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2004.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1.Văn kiện đảng toàn tập tập:1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT (2021),<i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học</p>

				<p>tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p>không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT (2015), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)</i>, Nxb CTQG.</p> <p>[2]. Bộ GD & ĐT (2008), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH, CĐ</i>, NXB CTQG.</p>
198030	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	<p>- <i>Nội dung của học phần:</i> Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Trình bày khái quát về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử Đảng. Chương 2: Trình bày sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền giai đoạn 1930-1945. Chương 2: Trình bày quá trình đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc,</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Bộ GD&ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST.</p> <p>2. Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG.</p> <p>9.2. Sách tham khảo:</p> <p>1. Bộ GD&ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG.</p> <p>2. Văn kiện Đảng toàn tập tập I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,I X,X,XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>	

			<p>thống nhất đất nước giai đoạn 1945 -1975. Chương 3: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn 1975 đến nay.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	
197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>- <i>Nội dung môn học</i> gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i></p> <p>2. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội</p> <p>3. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>. Nxb Chính trị</p>

				<p>và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam</p>	<p>quốc gia, Hà Nội</p> <p>4. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>. Nxb Chính trị quốc gia.</p>
	197030	Pháp luật đại cương	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: <i>Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động</i>.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb Lao động (Quyển 1).</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).</p> <p>2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</p>

				xã hội.	
Khoa học xã hội (6 tín chỉ)					
124255	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nghiên cứu độc lập một vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; xây dựng, chứng minh và trình bày được các quan điểm khoa học; trình bày được một báo cáo khoa học hoặc viết được một đề tài khoa học; vận dụng được kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở bậc đại học.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1] Phạm Việt Vượng (2004), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1] Vũ Cao Đàm (2005), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>[2] Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), <i>Phương pháp nghiên cứu XHH</i>, Nxb. ĐHQG, Hà Nội</p>	
121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	<p><i>Nội dung học phần</i> gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1] Trần Ngọc Thêm (1998), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB. GD</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1] Trần Quốc Vượng (2000), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB. GD.</p> <p>[2] Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử</i></p>	

				viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.	ương, NXB.VH TT HN.
Chọn 1 trong 3 học phần					
	181145	Tâm lí học đại cương	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát chung về khoa học tâm lí; Hoạt động, giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách, sự hình thành phát triển nhân cách.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Trên cơ sở lĩnh hội nội dung học phần sinh viên hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân để phù hợp với cuộc sống cũng như yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Nguyễn Quang Uẩn (CB), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (CB) , 2018. <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Xuân Thúc (CB), 2017. <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐH SP.</p> <p>2. Phan Trọng Ngọ (CB), 2005. <i>Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP.</p>
	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm và các điều kiện hình thành các vấn đề xã hội. Các đặc trưng cơ bản của các vấn đề xã hội, việc phân loại các vấn đề xã hội, đặc trưng của một số vấn đề xã hội phổ biến trong xã hội hiện nay: vấn đề nghèo đói, vấn đề mại dâm, vấn đề HIV/AIDS, vấn đề ma túy, vấn đề người khuyết tật.... Phân</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Phạm Di (2018) <i>Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng</i>, NXB Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo :</p> <p>1. Cát Văn Thành (1998), Dự báo thế kỉ XXI, Nxb Thống kê, Hà Nội.</p>

				<p>tích, tiếp cận các vấn đề xã hội từ góc độ lí thuyết và đưa ra những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề xã hội trong cuộc sống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực phân tích nguồn gốc vấn đề, phạm vi, mức độ tác động đến xã hội và đưa ra được chương trình can thiệp đến các vấn đề xã hội đó. Ngoài ra sinh viên biết vận dụng linh hoạt các vai trò của mình trong giải quyết các vấn đề xã hội khác nhau</p>	
	124115	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Địa lý, lịch sử, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên đánh giá, trình bày được tổng quan về đặc điểm điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế xã hội, lịch sử và văn hóa của Thanh Hóa. Sinh viên có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa của Thanh Hóa, có tinh thần trách nhiệm, có tinh thần xây dựng quê hương mình</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Tập thể (2000), <i>Địa chí Thanh Hoá tập 1:</i> Thanh Hoá, Nxb VHTT.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Hà Văn Tấn (1990, 1994), <i>Lịch sử Thanh Hóa</i>, Tập 1, tập 2, Nxb KHXH, HN.</p> <p>2. Lê Văn Trường, (2002), <i>Địa lý Thanh Hoá</i>, Nxb Thanh Hoá.</p>
	Ngoại ngữ (10 tín chỉ)				

	133031	Tiếng Anh 1	4	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn</p>	<p>Giáo trình chính :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2012, <i>English File–Elementary 3rd</i>. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1) 2. Nguyễn Thị Quyết, (2018) <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2) <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Raymond Murphy (2013). <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại 2. Cambridge ESOL (2011). <i>Cambridge Preliminary English Test</i>. Cambridge University Press
--	--------	-------------	---	--	--

				<p>ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh</p>	
133032	Tiếng Anh 2	3	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo</p>	<p>Giáo trình chính :</p> <ol style="list-style-type: none"> Christina Latham – Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3rd edition</i>. Nxb Văn Hóa Thông Tin. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>, Nhà xuất bản Thanh Hoá. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại. Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>. Cambridge University Press. Cambridge ESOL 	

			<p>các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình <i>Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. English File-Elementary 3rd Edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	<p>(2014), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press</p>
--	--	--	---	---

	133033	Tiếng Anh 3	3	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3rd Edition. Oxford University Press</i> và <i>Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.</i></p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File–Preintermediate 3rd edition.</i> Oxford University Press. (1) 2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET.</i> Richmond Publishing. (2) <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i>, Nhà Xuất Bản Hà Nội (3) 2. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press (5).
--	--------	-------------	---	---	---

				trình độ của mình.	
Toán - Tin học - KHTN - Công nghệ - Môi trường (4 tín chỉ)					
	173080	Tin học	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang (2015), <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng (2010). <i>Tin học căn bản</i>, Nxb KH&KT.</p> <p>2. Hàn Việt Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, Nxb ĐHQTKD.</p>
14	125105	Môi trường và con người	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. Nxb</p>

				<p>người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động</p>	<p>GD.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2]. Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13</p> <p>[3]. Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): <i>Môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>
	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN		91		
I	Kiến thức cơ sở ngành		17		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>11</i>		
15	127099	Tổng quan du lịch	3	- <i>Nội dung học phần</i> : Học phần giới thiệu kiến thức tổng quan về ngành dịch vụ du lịch, bao gồm các	Giáo trình chính: [1]. Trần Đức Thanh (2003), <i>Nhập môn khoa học du lịch</i> . NXB Đại học

				<p>lĩnh vực: lữ hành, khách sạn và nhà hàng. Người học sẽ cùng tìm hiểu đặc điểm của nghề dịch vụ du lịch, các tài nguyên du lịch và các xu hướng phát triển mới của ngành du lịch, các tác động của du lịch đến kinh tế, môi trường và ngược lại, điều kiện, thực trạng, cơ hội và thách thức của ngành du lịch tại Việt Nam. Bên cạnh đó, kinh nghiệm phát triển du lịch từ các quốc gia sẽ được chia sẻ. Cuối học phần có 9 tiết học/01 ngày đi thực tế một số tuyến, điểm du lịch tại Thanh Hóa và những địa phương lân cận. Qua học tập thực tế sinh viên có được sự trải nghiệm những vấn đề lý thuyết vận dụng vào thực tế phát triển du lịch Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Học phần giúp sinh viên trình bày được tổng quan về lý luận, lịch sử và thực tiễn du lịch thế giới và Việt Nam; Phân tích, đánh giá được điều kiện; hiện trạng phát triển du lịch của một địa phương, điểm đến; Xác định được xu hướng phát triển du lịch trong nước và trên thế giới; Báo cáo, thuyết trình được tổng quan về tình hình du lịch Việt Nam và thế giới đương đại</p>	<p>Quốc gia HN.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Võ Văn Thành (2015), Tổng quan du lịch. NXB Văn hoá – văn nghệ.</p> <p>[2]. Trần Thị Minh Hoà. (2015) <i>Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới</i>. NXB Đại học Quốc gia HN.</p>
16	124046	Lịch sử Việt	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành những kiến</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Trương Hữu Quỳnh</p>

		Nam		<p>thức cơ bản về tiến trình phát triển của Lịch sử Việt Nam. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên trình bày khái quát được tiến trình lịch sử Việt Nam; sử dụng được kiến thức lịch sử Việt Nam trong hoạt động thuyết minh hướng dẫn tại di tích lịch sử, bảo tàng. . .</p>	<p>(chủ biên) (1998), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Quang Ngọc (2002), <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục Hà Nội.</p> <p>[2]. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2010), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[3]. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2002), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội</p>
17	121076	Hán Nôm	2	<p>-<i>Nội dung học phân</i>: nhằm giới thiệu về các loại hình Hán Nôm du lịch: thơ, văn, chiếu, truyện, kí (lưu đề) và các hệ thống hoành phi, câu đối, văn bia ở các di tích lịch sử. Ở mỗi thể loại, sẽ điếm qua về đặc điểm loại hình, các tác phẩm tiêu biểu. Các hiện tượng ngữ pháp của Hán cổ như kết cấu định ngữ, kết cấu chủ vị, kết cấu động bổ; các hư từ cơ bản như <i>chi, kỳ, giả, đã</i> sẽ được giới thiệu lồng ghép trong mỗi bài học.</p> <p>-<i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên khai thác, sử dụng được văn tự Hán Nôm ở mức độ đơn giản</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Đặng Đức Siêu (2007), <i>Ngữ văn Hán Nôm T1, T2</i>, Nxb. ĐH Sư phạm, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lê Đình Khản (2000), GT nhập môn về thư pháp <i>Chữ Hán những vấn đề cơ bản</i>, NXB ĐHQG TP. Hồ HCM.</p> <p>[2]. Nguyễn Ngọc San (2003), Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm, NXB ĐH Sư phạm.</p>
18	124095	Hệ thống di tích-danh thắng	2	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản, hệ thống về: cơ sở hình thành các loại hình văn hóa vật thể ở Việt</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Dương Văn Sáu (2017), <i>Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt</i></p>

		Việt Nam		<p>Nam; những thành tố cơ bản của hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam; vấn đề quản lý, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di tích và danh thắng, đặc biệt nhấn mạnh trong lĩnh vực phát triển kinh tế du lịch. Học phần cũng trang bị cho người học những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành cơ bản.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên phân biệt được hệ thống các di tích danh thắng ở Việt Nam; sử dụng và khai thác được giá trị của hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam để phục vụ phát triển du lịch và kinh tế - xã hội địa phương và trong hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch</p>	<p>Nam, Nxb. Lao động, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Tổng cục Du lịch (2005), <i>Non nước Việt Nam</i>, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>[2]. Trần Lâm Biên (2017), <i>Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt: vùng Châu thổ Sông Hồng</i>, NXB Hồng Đức.</p> <p>[3]. Trần Lâm Biên (2017) <i>Đình làng Việt Nam</i>. NXB Hồng Đức.</p>
19	124050	Các dân tộc Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần tập trung giới thiệu các vấn đề cơ bản của dân tộc học dưới các góc độ: lịch sử tộc người, văn hóa tộc người, kinh tế tộc người, dân số tộc người. Phần kiến thức cơ bản gồm các nội dung: Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam; vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư; đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người; các dân tộc thuộc các ngữ hệ Nam Á, Thái, Hán – Tạng và Nam Đảo tại Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên phân biệt được bản sắc văn hóa các dân tộc</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Đặng Nghiêm Vạn (2003), <i>Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam</i>, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Quang Ngọc (2002), <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2]. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2010), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[3]. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2002), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>

				Việt Nam; khai thác được bản sắc văn hóa các dân tộc trong các hoạt động bảo tồn bản sắc văn hóa, hướng dẫn du lịch, phát triển cộng đồng...	
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
	127020	Phong tục tập quán Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về phong tục tập quán Việt Nam. Trong đó bao gồm: Phong tục tập quán trong đời sống vật chất (ăn, mặc, ở, đi lại); Các phong tục tập quán trong chu kỳ vòng đời của con người (hôn nhân, tang ma, sinh đẻ); Các phong tục tập quán trong sản xuất (canh tác lúa nước, canh tác nương rẫy, chăn nuôi, săn bắt, hái lượm, đánh cá, các nghề thủ công); Các phong tục tập quán trong lễ tết và lễ hội; Các phong tục tập quán trong gia đình - dòng họ; Các phong tục tập quán trong làng xã, bản mường</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán của các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam, có khả năng biên tập, giới thiệu đến khách du lịch những phong tục cơ bản.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Phan Kế Bính (2001), <i>Việt Nam phong tục</i>, Nxb. Văn học, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Đào Duy Anh (2003), <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i>, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.</p> <p>[2]. Trần Ngọc Thêm (1998). <i>Cơ sở văn hoá Việt nam</i>. NXB Giáo dục, Hà Nội.</p>
	127021	Văn hóa Đông Nam Á	2	<p>- <i>Nội dung học phần :</i> Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá Đông Nam Á. Bao gồm: đặc điểm</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Mai Ngọc Chừ (1999), <i>Văn hóa Đông Nam Á</i>, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p>

				<p>chung về tự nhiên, lịch sử và văn hoá của các quốc gia Đông Nam Á; tiến trình lịch sử văn hoá khu vực; các nhóm chủng tộc chính và các dân tộc ở Đông Nam Á; các thành tố cơ bản của văn hoá Đông Nam Á như ngôn ngữ, tôn giáo – tín ngưỡng, lễ hội – lễ tết, phong tục tập quán, nghệ thuật.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên đánh giá, trình bày được tổng quan về đặc điểm văn hóa của các nước Đông Nam Á; phân biệt được đặc điểm đặc trưng trong văn hóa từng quốc gia trong khu vực; sử dụng được kiến thức về văn hóa các nước Đông Nam Á phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Ngô Văn Doanh (1997), <i>Phong tục các dân tộc Đông Nam Á</i>, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.</p> <p>[2]. Lương Ninh (chủ biên, (2005), <i>Lịch sử Đông Nam Á</i>, Nxb Giáo dục.</p>
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
	124225	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội (khái niệm, các loại hình cụ thể, cách thức tổ chức...); phân biệt được tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào với tôn giáo bản địa; cơ sở hình thành, lịch sử, vai trò, giá trị của lễ hội.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể: Rèn luyện cho</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Trần Ngọc Thêm (2006), <i>Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam</i>, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Hoàng Lương (2011), <i>Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam – các tỉnh phía Bắc</i>, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.</p> <p>[2]. Trương Sĩ Hùng (2007). <i>Tôn giáo và văn</i></p>

			<p>sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá phi vật thể, trong đó cụ thể như: tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội; Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, phân loại, tổng hợp, so sánh để phân biệt được các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội; Sử dụng các tư liệu của học phần để học các học phần khác; Vận dụng các phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học; Có ý thức tôn trọng, giữ gìn các di sản văn hoá của dân tộc và nhân loại, trân trọng những thành quả lao động của quá khứ, tự hào về những thành tựu văn hoá mà người xưa đã tạo dựng nên. Trên cơ sở đó góp phần củng cố bền chặt mối quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta</p>	<p>hoá. NXB Khoa học xã hội.</p> <p>[3]. Ngô Đức Thịnh (2018). <i>Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền Việt nam</i>. NXB Tri Thức.</p>
124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2013), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), <i>Đại cương văn hóa phương Đông</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>

				<p>tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm có khả năng phân tích, nhận diện được các nền văn minh cổ trong lịch sử. Là kiến thức cơ bản nền tảng để phục vụ cho việc biên tập, giới thiệu, thuyết minh</p>	
Chọn 1 trong 2 học phần					
	127046	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về ẩm thực truyền thống Việt Nam. Trong đó bao gồm: nền tảng của ẩm thực Việt Nam, những quan niệm và chuẩn mực trong ẩm thực của người Việt, nghệ thuật ẩm thực của người Việt, ẩm thực các vùng miền; ẩm thực của các dân tộc ít người tiêu biểu ở Việt Nam. Đồng thời, phân biệt được khẩu vị ẩm thực của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam. Vấn đề giao lưu văn hóa ẩm thực và vai trò của ẩm thực đối với phát triển du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được những yếu tố ảnh hưởng tới ẩm thực và văn hoá ẩm thực của Việt Nam; phân biệt được khẩu vị ẩm thực của</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Thị Huệ (2012), Văn hóa ẩm thực Việt Nam, NXB Thời Đại, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Mai Khôi (2000), Văn hoá ẩm thực Việt Nam – Các món ăn miền Trung, NXB Thanh Niên.</p> <p>[2]. Lò Ngọc Quyên (2012), Văn hóa ẩm thực dân gian, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.</p>

				các vùng miền Việt Nam; xây dựng được thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong quá trình hướng dẫn du lịch; chế biến được các món ăn cơ bản theo văn hóa truyền thống của các dân tộc Việt Nam.	
	127040	Kỹ năng đàm phán	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị những kiến thức cần thiết và kỹ năng cơ bản về đàm phán trong kinh doanh, cũng như dựa vào những nguyên tắc để đàm phán hiệu quả. Nội dung chính tập trung vào mục đích đàm phán, phân tích kết quả đàm phán dựa vào lợi ích và mối quan hệ, các hình thức đàm phán, và những kỹ năng đàm phán.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện thành thạo quy trình đàm phán và thương lượng trong du lịch</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Đoàn Thị Hồng Vân (2011), <i>Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống</i>, NXB Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Trần Thúy Anh (Chủ biên) (2004), <i>Ứng xử văn hoá trong du lịch</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>[2]. Dale Carnegie (2019), <i>Đắc nhân tâm</i>, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.</p>
	Kiến thức ngành		63		
23	125180	Tuyến, điểm du lịch Việt Nam	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Môn học giới thiệu kiến thức địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến-điểm du lịch của Việt Nam làm cơ sở để thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng được các</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Bùi Thị Hải Yến (2017), <i>Tuyến điểm du lịch Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Phạm Trung Lương (2001), <i>Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p>

				<p>chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết. . . ; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch</p>	
24	128007	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần hệ thống lại các kiến thức về điều kiện về tài nguyên du lịch và môi trường du lịch tại Việt Nam. Qua đó. Sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên giới thiệu được các tài nguyên du lịch và môi trường phát triển của ngành du lịch Việt Nam, vận dụng sáng tạo được các điều kiện đó vào nghề du lịch.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Phạm Trung Lương (2001), <i>Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Bùi Thị Hải Yến (chủ biên) (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>. NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
25	127049	Tiếng Anh du lịch 1	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong khách sạn, nhà hàng. Học phần được chia thành các chủ đề là các tình huống giao tiếp trong nhà hàng khách sạn như: đặt giữ chỗ</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Frank Levin. (2016) <i>English for tourism and restaurant 1</i>. NXB Tổng hợp TPHCM.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Frank Levin. (2016) <i>English for tourism and</i></p>

				<p>khách sạn, nhà hàng, làm thủ tục check in, check out và thành toán cho khách. Ngoài ra, người học còn được thực tập giải quyết các tình huống thực tế trong ngành nhà hàng và khách sạn bằng tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên giao tiếp được cơ bản với khách khi phục vụ tại các bộ phận trong nhà hàng, khách sạn như bộ phận lễ tân, bộ phận buồng phòng, bàn, bar.</p>	<p>restaurant 2. NXB Tổng hợp TPHCM.</p> <p>[2]. Nguyễn Quang. (2013), <i>English course for tourism</i>. NXB ĐH Sư phạm TP HCM.</p>
26	127050	Tiếng Anh du lịch 2	3	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong hoạt động kinh doanh lữ hành, trong đó có hoạt động hướng dẫn du lịch. Học phần được chia thành các chủ đề là các tình huống giao tiếp trong du lịch như: Chuẩn bị trước chuyến đi, thủ tục xuất – nhập cảnh sân bay, phục vụ khách vui chơi giải trí, thuyết minh – hướng dẫn cho khách theo chủ đề. Ngoài ra, người học còn được thực hành giải quyết các tình huống thực tế trong hoạt động hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thành thạo trong giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh với du khách và đối tác trong hoạt động lữ hành</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Kiwi Cheng, Owain Mckimm (2016), <i>Specialized English for Tourism</i>, NXB Tổng hợp, TP. HCM.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Frank Levin. (2016) <i>English for tourism and restaurant 1</i>. NXB Tổng hợp TPHCM.</p> <p>[2]. Frank Levin. (2016) <i>English for tourism and restaurant 2</i>. NXB Tổng hợp TPHCM.</p>

27	128011	Địa lý du lịch Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về du lịch và địa lý du lịch (nhập môn, địa lý cầu du lịch, tài nguyên du lịch, tổ chức không gian và quy hoạch du lịch); thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam (tài nguyên du lịch, hiện trạng phát triển du lịch Việt Nam; các vùng du lịch Việt Nam).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Đánh giá được vai trò của tài nguyên du lịch Việt Nam; phân tích thực trạng phát triển du lịch trên cả nước và 7 vùng du lịch. Phân tích được các yếu tố tác động của ngành du lịch đối với kinh tế, xã hội, môi trường. Hoàn thiện kỹ năng viết báo cáo thuyết minh điểm du lịch</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). <i>Giáo trình Địa lý du lịch</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Vũ Thế Bình (2016), <i>Non nước Việt Nam</i>, NXB Hà Nội.</p>
28	127055	Thực hành tuyến, điểm du lịch 1	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về du lịch. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động du lịch tại các tỉnh miền Bắc. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người hướng dẫn viên du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh cơ bản</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2016), <i>Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)</i>, TN-MT & bản đồ VN.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Bùi Thị Hải Yến (2017), <i>Tuyến Điểm Du Lịch Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2]. Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). <i>Giáo trình Địa lý du lịch</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

				<p>phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch của vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng Bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc; xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết....; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch</p>	
29	127057	Thực hành tuyến, điểm du lịch 2	2	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phân này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về du lịch. Mục đích của học phân nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động du lịch tại các tỉnh thuộc vùng du lịch Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người hướng dẫn viên du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh cơ bản</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2016), <i>Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)</i>, TN-MT & bản đồ VN.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). <i>Giáo trình Địa lý du lịch</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[2]. Bùi Thị Hải Yến (2017), <i>Tuyến Điểm Du Lịch Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p>

				<p>phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch của khu vực miền Trung – Tây Nguyên; xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết. . . ; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch</p>	
30	127058	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp một số vấn đề cơ bản về hoạt động giao tiếp, về nghệ thuật giao tiếp ứng xử, một số nghi thức giao tiếp tiêu biểu, về tâm lý và tập quán giao tiếp của một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, phân tích tâm lý du khách theo lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, theo quốc gia, châu lục. Phân tích một số hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến hoạt động du lịch. Cung cấp những kỹ năng giao tiếp trong du lịch, những phẩm chất cần có của một nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong, sinh viên có hiểu biết cơ bản về các bước cơ bản trong giao</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Thế Hùng (2013). <i>Văn hoá ứng xử, kỹ năng giao tiếp thành công</i>. NXB Giao thông vận tải.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Joe Vitale (Phúc Lâm dịch) (2019), <i>Thôi miên bằng ngôn từ</i>, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.</p> <p>[2]. Dale Carnegie (Nguyễn Hiến Lê dịch) (2019), <i>Đắc Nhân Tâm</i>, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.</p>

			tiếp, có khả năng thực hành kỹ năng giao tiếp trong một số lĩnh vực như nhà hàng, khách sạn. Có kỹ năng xử lý các tình huống trong giao tiếp. Nắm bắt được tâm lý khách hàng theo lứa tuổi, nghề nghiệp và theo các quốc gia tiêu biểu.	
31	127030	Phát triển du lịch bền vững	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích, đề xuất và vận dụng được các giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực do du lịch</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiếu (2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Lê Huy Bá (2009), <i>Du lịch sinh thái</i>. Nxb KH&KT.</p>

				gây ra. Thực hiện được các quy tắc ứng xử văn minh trong du lịch	
32	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
a	127072	Văn hóa du lịch	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch - Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên chủ động điều khiển, kiểm soát được các hành vi ứng xử của các đối tượng tham gia hoạt động du lịch theo chuẩn mực chung.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1].Trần Thúy Anh (2016), <i>Văn hóa du lịch</i>, NXB Giáo dục.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Trần Thúy Anh (2000), <i>Thế ứng xử cổ truyền với tự nhiên và xã hội của người Việt Châu thổ Bắc Bộ qua ca dao, tục ngữ</i>, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.</p> <p>[2]. Dương Văn Sáu (2017), <i>Văn hóa du lịch</i>, NXB Lao động, Hà Nội.</p>
b	127073	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần được xây dựng theo hướng ứng dụng phát huy tối đa vai trò của người học để họ được trải nghiệm, phân tích những tình huống thực tế về văn hoá, đạo đức, từ đó ứng dụng vào thực tiễn hoạt động du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có thể phân tích và xây dựng được chuẩn mực văn hoá doanh nghiệp du</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Trần Nhoãn (2009). <i>Văn hoá doanh nghiệp</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Phan Huy Xu & Võ Văn Thành (2016). <i>Bàn về văn hoá du lịch Việt Nam</i>. NXB Tổng Hợp TPHCM.</p> <p>[2]. Nguyễn Ngọc Dung (2018). <i>Văn hoá doanh</i></p>

				<p>lich, xây dựng được tiêu chuẩn đạo đức cho nhân viên, doanh nghiệp và ứng dụng được trong thực tiễn kinh doanh.</p>	<p><i>ngiệp trong khách sạn tại Việt Nam.</i> NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
33-34	Chọn 2 trong 4 học phần				
a	127011	Pháp luật về du lịch	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> : Học phần cung cấp cho những sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về lĩnh vực du lịch. Bao gồm: Luật Du lịch và hệ thống văn bản pháp luật về du lịch hiện hành; quy chế pháp lý về tuyến, điểm, khu và đô thị du lịch; quy chế pháp lý về khách du lịch; quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch, hướng dẫn viên và những người lao động trong lĩnh vực du lịch; những quy định của pháp luật trong về vấn đề vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có khả năng xử dụng kiến thức pháp luật để tư vấn, giải quyết quyền và nghĩa vụ trong các trường hợp cụ thể của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong các hoạt động du lịch</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Luật du lịch 2017, Nxb Lao động.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Văn Lưu, <i>Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN</i>, Nxb Văn hóa –TT, 2013.</p> <p>[2]. Bùi Thị Hải Yến, (2013) <i>Quy hoạch Du lịch</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p>
b	127025	Quản lý nhà nước về du lịch	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Môn học này sẽ giúp cho những sinh viên ngành du lịch có được kiến thức pháp lý cơ bản về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch và hoạt động du lịch bao gồm quản lý nhà nước về du lịch, quản lý về hoạt</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Trường cán bộ Thanh tra Nhà nước (1997), <i>Một số vấn đề về quản lý nhà nước</i>, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>

				<p>động kinh doanh du lịch, quy chế pháp lý đối với hướng dẫn viên du lịch và các lao động phục vụ trong ngành du lịch, quyền và nghĩa vụ pháp lý của khách du lịch.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể vận dụng thành thạo các quy định của Nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về du lịch; tư vấn hoặc trực tiếp triển khai công tác quản lý nhà nước về du lịch ở cấp trung ương và địa phương. Áp dụng tiêu chuẩn du lịch, giải quyết tranh chấp...; quản lý, giám sát được hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp du lịch hoạt động theo đúng pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn kỹ năng nghề</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Quốc hội, Luật du lịch 2017, Nxb Lao động.</p> <p>[2]. Nguyễn Văn Lưu (2013), <i>Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN</i>, Nxb Văn hóa –TT.</p>
c	125100	Marketi ng du lịch	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản và cơ sở lý luận về marketing du lịch, môi trường marketing du lịch, thị trường du lịch và việc lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu, quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược marketing. Vận dụng các kiến thức này để xây dựng chiến lược marketing mix cho tổ chức doanh nghiệp du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể: Trình bày các khái niệm căn bản trong marketing; Sử dụng được</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình marketing du lịch</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Philip Kotler (2010), <i>Quản trị Marketing</i>, NXB Thống kê, Hà Nội.</p> <p>[2]. Trần Minh Đạo (2010). <i>Giáo trình Marketing căn bản</i>. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p>

				<p>linh hoạt lí thuyết về Marketing trong du lịch; Phân tích, đánh giá được môi trường marketing của tổ chức, doanh nghiệp du lịch; Phân chia phân khúc thị trường, lựa chọn phân khúc thị trường mục tiêu và xác định các hướng định vụ thị trường cho tổ chức, doanh nghiệp du lịch; Xây dựng được chiến lược marketing mix cho một đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch cụ thể trên thị trường</p>	
d	127012	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> : Học phần giới thiệu các thành phần cơ bản của hoạt động quản trị xúc tiến du lịch cũng như sự tác động qua lại giữa các yếu tố trong chương trình xúc tiến du lịch. Cách thức để phân tích các quyết định chiêu thị quan trọng</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên xác định được đặc điểm thị trường khách du lịch; đánh giá được vai trò của các kênh phân phối; phân tích và đề xuất được chiến lược marketing cho một đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch cụ thể trên thị trường; sử dụng được linh hoạt lí thuyết về Marketing trong du lịch.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Hoàng Trọng & Hoàng Thị Phương Thảo (2007) <i>Quản trị chiêu thị (Quản trị truyền thông tiếp thị)</i>, NXB Thống Kê.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Philip Kotler (2010), <i>Quản trị Marketing</i>, NXB Thống kê, Hà Nội.</p>
35	127054	Tổ chức sự kiện và DL MICE	4	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp cho người học khái niệm, nhận dạng được hoạt động tổ chức sự kiện, loại hình du lịch MICE và nội dung tổ chức</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1] Nguyễn Vũ Hà (2009) <i>Bài giảng Tổ chức sự kiện</i>, Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội.</p>

				<p>sự kiện. Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định như, nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện, môi trường và điều kiện phát triển du lịch MICE. Khả năng tổ chức - quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân biệt được các loại hình sự kiện; thành thạo quy trình tổ chức 1 số sự kiện phổ biến như: Hội thảo; họp báo; đại hội khách hàng; giới thiệu, triển lãm sản phẩm, teambuilding...; hình thành được tư duy sáng tạo, chủ động trong hoạt động tổ chức sự kiện.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1] Dương Văn Sáu (2018), <i>Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch</i>, Trường Đại học VHHN, Hà Nội.</p>
36	127039	Tổ chức hướng dẫn du lịch	4	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức: các khái niệm cơ bản về dịch vụ du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hướng dẫn du lịch, phương pháp hướng dẫn, tổ chức tham quan theo chuyên đề và kỹ năng xử lý tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Đoàn Hương Lan (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i>. NXB Lao động.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Văn Đính & Phạm Hồng Chương (2000), <i>Giáo trình Hướng</i></p>

				<p>hướng dẫn du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có năng lực tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh trong khách sạn, công ty du lịch, công ty lữ hành, các hoạt động hỗ trợ trong quá trình tổ chức hướng dẫn du lịch, xử lý tình huống...Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,....</p>	<p><i>dẫn du lịch</i>. NXB Thống kê.</p> <p>[2]. Tổng cục du lịch (2013), <i>Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS)</i>, <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i>.</p>
37	127062	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	4	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Học phần trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về tiêu chuẩn của nghề khách sạn và các tiêu chí, yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách lưu trú tại khách sạn đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Học phần cũng giới thiệu kỹ năng phục vụ buồng như kỹ năng làm giường, làm vệ sinh buồng khách.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các thao tác kỹ thuật trong chu trình khách tại khách sạn, chăm sóc và phục vụ khách hàng, có khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng trong quá trình phục vụ. Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Nguyễn Thị Tú, (2005), <i>Nghiệp vụ phục vụ khách sạn</i>. NXB Thống kê.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Tổng cục du lịch. <i>Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Lễ tân</i>. Bộ văn hoá thể thao du lịch. 2015</p> <p>2. Tổng <i>Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Phục vụ buồng</i>. Cục du lịch. Bộ văn hoá thể thao du lịch. 2015.</p>

				trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng hợp lí khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định	
38	127063	Nghiep vụ phục vụ nhà hàng	4	<p><i>-Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng các trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng, vệ sinh, an toàn và an ninh trong kinh doanh ăn uống, kỹ thuật phục vụ ăn uống, tổ chức và phục vụ các loại tiệc, chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống, tổ chức lao động và kĩ năng điều hành giám sát trong nhà hàng</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực tổ chức, quản lí và điều hành hoạt động nhà hàng.Kỹ thuật trải gấp khăn bàn, trải gấp khăn ăn cơ bản. Kỹ thuật đặt bàn ăn theo thực đơn, kỹ thuật phục vụ cơ bản. Cách kê và bố trí bàn tiệc cũng như quy trình phục vụ: tiệc ăn ngồi kiểu Á, Âu, tiệc đứng, tiệc rượu, tiệc hội nghị, hội thảo... kỹ năng phục vụ và chăm sóc khách hàng. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kĩ năng khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kĩ năng điều hành giám sát trong nhà hàng.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Vũ Thị Hòa (Chủ biên) (2012), <i>Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng</i>, NXB Lao động Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Vũ Thị Hòa (2012). <i>Bài giảng thực hành nghiệp vụ nhà hàng (lưu hành nội bộ)</i>. NXB Lao động Hà Nội.</p> <p>2.Tổng cục du lịch Việt Nam, (2018), Tiêu chuẩn kĩ năng nghề du lịch Việt Nam, <i>Nghiep vụ nhà hàng</i>. (VTOS)</p>
39	127031	Thiết kế và điều hành	3	<i>- Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức về	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Văn Đức</p>

		tour		<p> nghiên cứu nhu cầu khách du lịch, khảo sát điều kiện cung ứng, từ đó xây dựng lịch trình chi tiết cho chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch. Các phương pháp quảng cáo, tổ chức thiết kế và bán chương trình du lịch, hợp đồng du lịch, quản lý điều hành chương trình du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh trong công ty du lịch, công ty lữ hành. Thiết kế được chương trình du lịch, có khả năng xử lý tốt các tình huống xảy ra trong suốt quá trình điều hành chương trình du lịch. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,...</p>	<p>(2011), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành</i>, Nxb Lao động.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Phạm Hồng Chương (2000), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành</i>, Nxb Thống kê.</p> <p>[2]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p>
40	127053	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	4	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về nguyên liệu chế biến và sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến. Lựa chọn và bảo quản nguyên liệu. Phương pháp xây dựng thực đơn. Kiểm tra, đánh giá chất lượng chất lượng sản phẩm. Các xu hướng ẩm thực toàn cầu. Các phương pháp chế biến và kỹ thuật chế biến món ăn, đồ uống, một số món ăn cơ bản,</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Trịnh Cao Khải (chủ biên) (2013). <i>Giáo trình Lý thuyết chế biến món ăn</i>. NXB Lao động.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Hội đồng chứng chỉ nghiệp vụ du lịch (2005). <i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>. NXB Thanh Niên.</p> <p>[2]. Tổng cục du lịch Việt Nam, (2009) <i>Tiêu chuẩn</i></p>

				<p>cũng như kỹ năng và nghệ thuật trang trí sản phẩm ăn uống</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> sinh viên thực hiện được việc tính toán chi phí nguyên liệu, kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập bảng thống kê chi phí nguyên liệu. Kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống với các phương pháp chế biến đa dạng. Kỹ năng trang trí sản phẩm ăn uống. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,....</p>	<p><i>kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, Kỹ thuật chế biến món ăn Âu. (VTOS).</i></p>
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2		
a	125030	Du lịch sinh thái	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Môn học truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về DLST, tài nguyên DLST, các loại hình DLST. Các kiến thức, các phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động DLST trên phương diện kỹ thuật, kinh tế - xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái, các khu bảo tồn, vườn quốc gia...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được các loại hình du lịch sinh thái và có khả năng quản lý các</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Lê Huy Bá (2009), <i>Du lịch sinh thái</i>, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>[1]. Phạm Trung Lương (2001), <i>Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục.</p>

				hoạt động du lịch sinh thái	
b	127033	Thuyết minh du lịch	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch tại điểm; giúp sinh viên nhận thức được vai trò của công việc này và phân biệt được các loại hình thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng xây dựng nội dung thuyết minh; rèn luyện kỹ năng, phương pháp thuyết minh phù hợp và ứng dụng nó vào trong công tác hướng dẫn du lịch của mình.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh hấp dẫn cho các đối tượng khách du lịch, thực hiện thành thạo hoạt động thuyết minh tại điểm</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Đinh Trung Kiên (2006). <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Trần Văn Mậu (2005), <i>Cẩm nang hướng dẫn viên du lịch</i>, NXB Giáo dục.</p>
42	Chọn 1 trong 2 học phần		2		
a	127013	Du lịch cộng đồng & Homestay	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần DLCĐ nghiên cứu những kiến thức cơ bản về DLCĐ và homestay như khái niệm DLCĐ, homestay, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCĐ, kinh doanh homestay đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Bùi Thị Hải Yến (CB) (2012), <i>Du lịch cộng đồng</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Đình Hoè, Vũ Văn Hiếu (2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p> <p>[2]. Nguyễn Văn Mạnh &</p>

			<p>sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCĐ, tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những nội dung học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCĐ và homestay tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận dạng được DLCĐ, du lịch Homestay, từ đó phân tích so sánh loại hình du lịch này với những mô hình du lịch khác; phân tích các hình thức khác nhau của DLCĐ, Homestay. Xác định được thị trường mục tiêu cũng như chủ thể kinh doanh DLCĐ, Homestay; Có khả năng phân tích, đánh giá những điều kiện phát triển DLCĐ, Homestay, những tác động tiêu cực của loại hình du lịch này đến kinh tế xã hội.</p>	<p>Hoàng Thị lan Hương (2013). <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i>. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p>
b	127035	Du lịch làng nghề	<p>2</p> <p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về làng nghề, du lịch làng nghề; khai thác giá trị của làng nghề trong phát triển du lịch ở Việt Nam; kỹ năng xây dựng chương trình và nghiệp vụ tổ chức, hướng dẫn du lịch làng nghề.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và phân tích</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Vũ Từ Trang (2019), <i>Nghề cổ nước Việt từ truyền thống đến hiện đại</i>, Nxb. Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Trần Thúy Anh (2014), <i>Du lịch văn hóa</i>,</p>

				được mối quan hệ giữa làng nghề truyền thống và phát triển du lịch làng nghề trên lãnh thổ Việt Nam. Những tiềm năng, thực trạng và những định hướng, giải pháp trong phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam	Nxb Giáo dục Việt Nam
43	Chọn 1 trong 2 học phần				
a	127034	Du lịch tôn giáo và tâm linh	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng như các khái niệm chủ yếu; các tài nguyên văn hóa và di sản văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng chủ yếu được khai thác trong du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng; những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lý, khai thác các giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng vào hoạt động kinh doanh du lịch; tôn giáo, tín ngưỡng và sự phát triển du lịch bền vững. Phát huy giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng trong hội nhập và phát triển thông qua hoạt động du lịch. Bảo tồn văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng trong du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng và thực hiện được các chương trình du lịch tại các điểm du lịch tôn giáo tâm linh.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Dương Văn Sáu (2018), <i>Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch</i>, NXB Lao động.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Trường Tân (2019), <i>Cẩm nang du lịch văn hóa tâm linh Việt Nam</i>, Nxb Thanh niên.</p> <p>[2]. Lê Thị Tuyết Mai (2017), <i>Du lịch lễ hội Việt Nam</i>, Nxb Lao động.</p>
b	127037	Du lịch văn hóa	2	- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trình bày một cách	<i>Giáo trình chính:</i>

		và di sản		<p>hệ thống những kiến thức cơ bản về Du lịch nhân văn, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của du lịch nhân văn - Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về du lịch nhân văn để ứng dụng vào phát triển du lịch bền vững ở nước ta.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa du lịch với văn hóa, có khả năng phân tích và vận dụng kiến thức văn hóa trong phát triển và hoạt động du lịch</p>	<p>[1]. Trần Thúy Anh (2014), <i>Du lịch Văn hóa</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Trần Thúy Anh (2016), <i>Giáo trình Văn hóa du lịch</i>, NXB Giáo dục.</p>
44-46	Chọn 3 trong 4 học phần				
a	151001	Kinh tế du lịch	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho người học các kiến thức liên quan đến kinh tế du lịch; các xu hướng trong du lịch, điều kiện để phát triển du lịch, cơ sở vật chất và kỹ thuật trong du lịch, lao động trong du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, quy hoạch phát triển du lịch và tổ chức quản lý ngành du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Nhằm giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng để giải thích được quan hệ cung -</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Vũ Mạnh Hà (2014). <i>Giáo trình kinh tế du lịch</i>. NXB Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Văn Đính (Chủ biên) (2016). <i>Giáo trình Quản trị marketing</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

				cầu, các tác động, xu hướng trong du lịch từ đó có khả năng vận dụng trong quản lý phát triển ngành du lịch địa phương hoặc doanh nghiệp	
b	127078	Quản trị điểm đến du lịch		<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị điểm đến du lịch, bao gồm: khái quát về điểm đến du lịch, tổ chức quản lý điểm đến du lịch và các nội dung quản lý điểm đến du lịch, chiến lược và quy hoạch phát triển điểm đến du lịch, marketing điểm đến du lịch và chất lượng điểm đến du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng tổ chức và quản lý các điểm đến du lịch, đảm bảo được chất lượng của điểm đến nhằm thu hút khách du lịch hiệu quả.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1] Phan Huy Xu & Võ Văn Thành (2018) <i>Du lịch Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn</i>. NXB Tổng hợp TP HCM.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình marketing du lịch</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>[2]. Tổng cục Du lịch (2005), <i>Non nước Việt Nam</i>, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p>
c	127017	Kinh doanh du lịch trực tuyến	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên một cái nhìn rộng về chủ đề kinh doanh điện tử trong du lịch và khách sạn. Môn học này bao gồm tất cả các chủ đề quan trọng trong lĩnh vực này và tạo ra sự hiểu biết về các kết nối và nội dung giữa các chủ đề thương mại điện tử khác nhau.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được xu hướng và các vấn đề chính trong kinh doanh du lịch</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Trùng Khánh (chủ biên) (2008), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i>. NXB Lao động – xã hội</p> <p>[2]. Trịnh Xuân Dũng (1996). <i>Đại lý du lịch lễ hành</i>. Trường Du lịch Hà</p>

				<p>điện tử, vai trò của các công cụ trực tuyến khác nhau trong chiến lược tiếp thị và quản lý công nghệ thông tin và truyền thông. Qua đó, sinh viên có thể phân tích và đánh giá các giải pháp và quyết định kinh doanh điện tử hiện tại, đề xuất và lên kế hoạch các bước phát triển kinh doanh điện tử cho một công ty trong lĩnh vực du lịch và khách sạn</p>	Nội.
d	127038	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	2	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức về các khái niệm cơ bản, những thuật ngữ sử dụng trong kinh doanh dịch vụ bổ sung, tầm quan trọng của chất lượng dịch vụ trong kinh doanh du lịch. Đồng thời cung cấp những kiến thức tổng quan về ngành kinh doanh giải trí cũng như loại hình kinh doanh dịch vụ bổ sung, các vấn đề hoạch định kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, khách sạn.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh các dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành... Điều hành, quản lý, giám sát và tham gia các hoạt động hỗ trợ trong kinh doanh dịch vụ du lịch. Xử lý tốt các tình huống. Ngoài</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>[1]. Sơn Hồng Đức (2012), <i>Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng Resort, lý luận thực tiễn</i>, Nxb Phương Đông.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Tuấn Ngọc (2010). <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i>. NXB Lao động.</p>

				ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.	
	Thực tập, thực tế, Khoá luận TN/ HP thay thế KLTN		11		
47	123190	Thực tập tốt nghiệp	5	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp làm việc tại các công ty du lịch, các cơ sở kinh doanh lưu trú ăn uống để rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các hoạt động cụ thể tại cơ sở thực tập. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp, được bố trí tham gia hướng dẫn du lịch qua một số chương trình du lịch cụ thể của công ty và làm các công việc khác như thiết kế tour, nhân viên văn phòng, nhân viên tiếp thị du lịch, đặt chỗ các dịch vụ du lịch, v.v...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Hoàn thiện năng lực làm việc cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp đối với các nghề: quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch, lễ hành, khách sạn, nhà hàng...</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i> [1]. Đoàn Hương Lan (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i>. NXB Lao động.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i> [1]. Nguyễn Thị Tú, (2005), <i>Nghiệp vụ phục vụ khách sạn</i>. NXB Thống kê. [2]. Nguyễn Ngọc Dung (2018). <i>Văn hoá doanh nghiệp trong khách sạn tại Việt Nam</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
	124101	Khóa luận tốt nghiệp			<p><i>Giáo trình chính:</i> 1. Vũ Cao Đàm(2012) <i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa</i></p>

					<p>học, Nxb Giáo dục</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Phạm Việt Vượng(2002) <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>:Nxb ĐHQGHN.</p>
48-49	KLTN/ Học phần thay thế KLTN (Chọn 2 trong 3 học phần)		6		
a	127014	Kinh doanh lễ hành	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Thiết kế xây dựng chương trình du lịch, nghệ thuật tiếp cận với khách hàng để đàm phán, giới thiệu chương trình du lịch, xây dựng và ký kết các hợp đồng du lịch, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch và triển khai các công tác hậu mãi khác.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Phát triển năng lực nghiên cứu tài liệu, thực hành các kỹ năng: Phân tích, tổng hợp. Kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá, tìm tòi. Kỹ năng lập luận, thảo luận nhóm, thuyết trình trước công chúng;Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lí, điều khiển;Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Trùng Khánh (chủ biên) (2008), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i>. NXB Lao động – xã hội</p> <p>[2]. Trịnh Xuân Dũng (1996). <i>Đại lý du lịch lễ hành</i>. Trường Du lịch Hà Nội.</p>
b	127059	Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần hệ thống lại các kiến thức về tài nguyên du lịch và những sản phẩm du lịch đặc thù của các vùng miền và của từng lĩnh vực nghề</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Nguyễn Trọng Đăng và cộng sự (2008). <i>Quản trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch</i>. NXB</p>

				<p>của ngành du lịch. Bên cạnh đó là những kiến thức về thị trường du lịch và những hành vi khách du lịch trong giai đoạn mới. Qua đó, sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch Việt Nam nhằm quảng bá giới thiệu hình ảnh của địa phương/quốc gia theo hướng phát triển bền vững.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về phân tích thị trường du lịch, đối thủ cạnh tranh, các trung gian, đối tác,...; từ đó có khả năng thiết kế những sản phẩm du lịch mới, lạ, độc đáo, phù hợp với các nhóm khách hàng và có khả năng ứng dụng trong thực tiễn.</p>	<p>Thống kê.</p> <p>Tài liệu tham khảo :</p> <p>[1]. Trương Đình Chiến (2012). <i>Quản trị Marketing</i>. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>[2]. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Quản trị chiến lược</i>. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p>
c	127079	Khởi nghiệp trong du lịch	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>[1]. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Quản trị chiến lược</i>. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>[2]. Vũ Mạnh Hà (2014). <i>Giáo trình kinh tế du lịch</i>. NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[3]. Nguyễn Trọng Đăng và cộng sự (2008). <i>Quản</i></p>

				- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức và kỹ năng để thành lập tự chủ kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, tổ chức, thành lập được doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch hiệu quả.	<i>trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch.</i> NXB Thống kê.
--	--	--	--	--	--

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
1. Triết học Mác-Lênin (3TC) 2. Tiếng Anh 1 (4TC) 3. Tin học (2TC) 4. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC) 5. Tổng quan du lịch (2TC) 6. Chọn 1 trong 3 học phần (2TC) a. Tâm lý học đại cương b. Các vấn đề xã hội đương đại c. Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	1. Kinh tế chính trị Mác –Lênin (3TC) 2. Tiếng Anh 2 (3TC) 3. Môi trường và con người (2TC) 4. Lịch sử VN (2TC) 5. Hệ thống di tích – danh thắng VN (2TC) 6. Tài nguyên và môi trường DL VN (2TC) 7. Địa lý du lịch VN (2TC)	1. Chủ nghĩa XH khoa học (2TC) 2. Pháp luật đại cương (2TC) 3. Phương pháp nghiên cứu KH (2TC) 4. Tiếng Anh 3 (3TC) 5. Phong tục tập quán VN (2TC) 6. Hán Nôm (2TC) 7. Tuyển điểm du lịch VN (3TC)	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (2TC) 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC) 3. Các dân tộc VN (2TC) 4. Thực hành tuyến, điểm du lịch 1 (2TC) 5. Phát triển du lịch bền vững (2TC) 6. Văn hóa du lịch (2TC) 7. Nghiệp vụ khách sạn cơ bản (4TC)
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
1. Tiếng Anh du lịch 1 (3TC) 2. Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch (3TC)	1. Tiếng Anh du lịch 2 (3TC) 2. Văn hóa ẩm thực VN (2TC) 3. Tổ chức SK và du	1. Thực hành tuyến, điểm du lịch 2 (2TC) 2. Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng (4TC) 3. Nghiệp vụ chế biến	1. Thực tập nghề cuối khóa (5TC) 2. Học phần TTTN: chọn 2 trong 3 học phần (6TC)

<p>3. Quản lý NN về DL (2TC)</p> <p>4. Marketing du lịch (2TC)</p> <p>5. Tổ chức hướng dẫn du lịch (4TC)</p> <p>6. Chọn 1 trong 2 học phần (2TC):</p> <p>a. Du lịch sinh thái</p> <p>b. Thuyết minh du lịch</p>	<p>lịch MICE (4TC)</p> <p>4. Thiết kế và điều hành tour (4TC)</p> <p>5. Chọn 1 trong 2 học phần (2TC):</p> <p>a. Du lịch cộng đồng và homestay</p> <p>b. Du lịch làng nghề</p>	<p>sản phẩm ăn uống (4TC)</p> <p>4. Chọn 1 trong 2 học phần (2TC):</p> <p>a. Du lịch tôn giáo và tâm linh</p> <p>b. Du lịch văn hóa và di sản</p> <p>5. Chọn 3 trong 4 học phần (2TC):</p> <p>a. Kinh tế du lịch</p> <p>b. Quản trị điểm đến du lịch</p> <p>c. Kinh doanh du lịch trực tuyến</p> <p>d. Kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch</p>	<p>a. Kinh doanh lữ hành</p> <p>b. Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch</p> <p>c. Khởi nghiệp trong du lịch</p>
---	--	---	--

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Ghi chú: Các mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao

Tên HP	Chuẩn đầu ra của CTĐT											PLO 12	PLO 13
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11		
Triết học Mác-Lênin	2												2
Kinh tế chính trị Mác-LN	2												2
Chủ nghĩa XH khoa học	2												2
Lịch sử Đảng CS VN	2												2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												3

Pháp luật đại cương	2												2
Phương pháp NCKH				2	2								
Cơ sở văn hóa Việt Nam				3	2		2					2	2
Tâm lí học đại cương				2			2						
Các vấn đề XH đương đại				2									1
Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)				2	1						2		
Tiếng Anh 1		2						2					
Tiếng Anh 2		2						2					
Tiếng Anh 3		2						2					
Tin học			2				1		2				
Môi trường và con người				2							2		
Tổng quan du lịch					2	2							2
Lịch sử Việt Nam					2						1		
Hán Nôm				2							1		

Hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam					2						1		
Các dân tộc Việt Nam				2	2								
Phong tục tập quán VN					2		2					1	
Văn hóa Đông Nam Á				2	2								
Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở VN				2	2							1	
Lịch sử văn minh thế giới					2						1		
Văn hóa ẩm thực VN					2	1						2	
Kỹ năng đàm phán							2						2
Tuyến điểm du lịch VN				1		1					2		
TN và môi trường DLVN				2	2								
Tiếng Anh du lịch 1		1						3					
Tiếng		1						3					

Anh du lịch 2													
Địa lý du lịch Việt Nam			2							2			
Thực hành tuyên, điểm du lịch 1			1						2	2			
Thực hành tuyên, điểm du lịch 2			1						2	2			
Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch						3	2	1	1	1			2
PT du lịch bền vững			2	1	1								2
Văn hóa du lịch			2	2		2							3
Văn hóa DN du lịch			2	2		2							3
Pháp luật về du lịch				2									3
QL nhà nước về du lịch				2									3
Marketing du lịch					3						2		2
Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch					3						2		2
Tổ chức sự kiện và											3		2

DL MICE													
Tổ chức HD du lịch											3		2
Nghiệp vụ KS cơ bản			1				2		2	3			2
NV phục vụ nhà hàng			1				2			3			2
Thiết kế và điều hành tour				2			2				3		
Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống						2				2		3	
Du lịch sinh thái				2		2					2		
Thuyết minh du lịch					2		2	1					
Du lịch cộng đồng & Homestay				2		2					2		
Du lịch làng nghề				2		2					2		
DL tôn giáo và tâm linh				2		2					2		
Du lịch văn hóa và di sản				2		2					2		
Kinh tế du lịch				2		2							2
Quản trị điểm đến				2	2	1			2		2		

du lịch													
Kinh doanh du lịch trực tuyến			2				2		3				2
Kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch					2	3							2
Kinh doanh lễ hành					2		2	2	2		3		2
Thiết kế và phát triển SP du lịch						3				2	2	2	2
Khởi nghiệp trong DL						3	1	1	1	2	2	2	2

Ghi chú: Các mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao


KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 8 năm 2021

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT



PGS.TS. Mai Văn Tùng